

S T T	Học phần	Số tiết			Số tiết học trong 1 tuần lễ																								Tháng
		Giờ LT	Giờ TT	Giờ Se	02-2022			03-2022			04-2022			05-2022			06-2022			07-2022									
					14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11			
					19	26	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16			
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	Ngày		
																								Tuần					
1	Sinh học	33	24					4	4	4	4	4	4	4	5		/4	/4	/4	/4	/4	/4	/B						
2	Vật lý đại cương 2	20	20					4	4	4	4/4	4/4	/4	/4	/4	/B													
3	Hóa hữu cơ 1	33	24					4	4	4	4	4	4	4	5		/4	/4	/4	/4	/4	/4	/B						
4	Tiếng Anh 2	30														4	4	4	4	4	4	4	6						
5	Giáo dục thể chất 2 *		15					/2	/2	/2	/2	/2	/2	/2	/1														
6	Triết học Mác Lênin	33	0	12				4	4	4	4	4	4	4	5		/Se	/Se	/Se	/Se									
7	Pháp luật đại cương	22	0	16				4	4	4	4	4	2	/Se	/Se	/Se	/Se												
8																													

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



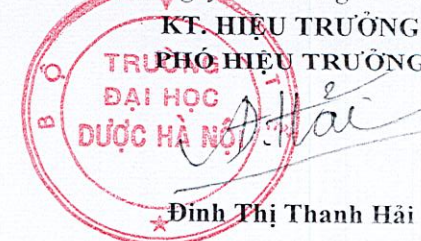
Trần Thị Lan Hương

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Vũ Xuân Giang

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI

Đinh Thị Thanh Hải

S T T	Học phần	Số tiết			Số tiết học trong 1 tuần lễ																								Tháng
		Giờ LT	Giờ TT	Giờ Se	02-2022			03-2022			04-2022			05-2022			06-2022			07-2			Ngày						
					14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13		20	27	4	11		
					19	26	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18		25	2	9	16	Tuần	
1	Kinh tế chính trị Mác Lênin	21		9				3	3	3	3	3	3				/Se	/Se	/Se										
2	Tiếng Anh 2	30													4	4	4	4	4	4	6								
3	Giáo dục thể chất 2 *	0	15					/2	/2	/2	/2	/2	/2	/1															
4	Sinh học	33	24					4	4	4	4	4	4	5		/4	/4	/4	/4	/4	/4	/4	/B						
5	Hóa hữu cơ 1	33	24					4	4	4	4	4	4	5		/4	/4	/4	/4	/4	/4	/4	/B						
6	Hóa phân tích 1	29	32					3	3	3	3	3	3	4	4				/8	/8	/8	/8							
7	Pháp luật đại cương	22	0	16				4	4	4	4	4	2	/Se	/Se	/Se	/Se												
	Các môn tự chọn																												
	Dược xã hội học	26		8																									
	Thực vật dược	29	32					4	4	4	4	4	4	5/4	/4	/4	/4	/4	/4	/4	/4	/4	/B						
	Vật lý đại cương 2	20	20					4	4	4	4/4	4/4	/4	/4	/4	/B													

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

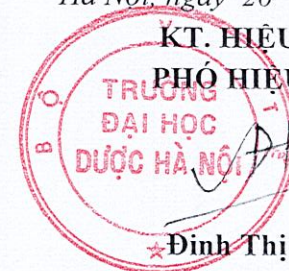
Trần Thị Lan Hương

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Vũ Xuân Giang

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải

THỜI KHOÁ BIỂU K76 VÀ LỚP H1K2 – ĐIỀU CHỈNH LỊCH HỌC NGOẠI NGỮ
HỌC KỲ II (2022 - 2022) TỪ 13/06-18/06/2022

• Từ ngày 13/06 – 18/06/2022

LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
A1K76						Ngoại ngữ (2,3,4)						
		Ngoại ngữ (2,3,4)	Ngoại ngữ (2,3,4)					Ngoại ngữ (2,3,4)	Ngoại ngữ (2,3,4)			
	TT SHọc										TT HHC	
A2K76	Ngoại ngữ (2,3,4)	TT HHC	Ngoại ngữ (2,3,4)			Ngoại ngữ (2,3,4)		Ngoại ngữ (2,3,4)			TT SHọc	
			TT SHọc				Ngoại ngữ (2,3,4)			Ngoại ngữ (2,3,4)		
A3K76		Ngoại ngữ (2,3,4)				TT SHọc	TT HHC		Ngoại ngữ (2,3,4)			
					TT HHC		Ngoại ngữ (2,3,4)			TT SHọc		
A4K76			Ngoại ngữ (2,3,4)				TT SHọc		Ngoại ngữ (2,3,4)			
		Ngoại ngữ (2,3,4)		TT HHC		Ngoại ngữ (2,3,4)						
H1K2		TT SHọc Tổ 4	Ngoại ngữ (2,3,4)	TT HPT	TT HPT	Ngoại ngữ (2,3,4)		TT HPT	TT HHC (Tổ 1,2,3)			TT HHC Tổ 4

• Từ ngày 13/06 – 18/06/2022

LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
A1K76	Ngoại ngữ (7,8,9)	TT HHC2	TT HHC2	TT SHọc 2	Ngoại ngữ (7,8,9)	Ngoại ngữ (7,8,9)	TT SHọc2					
	TT SHọc 2				TT HHC2			TT HHC2		TT SHọc2		
	Ngoại ngữ (7,8,9)		Ngoại ngữ (7,8,9)									
A2K76					TT HHC1							TT SHọc2
	Ngoại ngữ (7,8,9)			Ngoại ngữ (7,8,9)			TT HHC1			TT SHọc1		TT HHC2
A3K76	Ngoại ngữ (7,8,9)	TT HHC 1	TT SHọc1							Ngoại ngữ (7,8,9)		
	TT SHọc1			TT HHC1			Ngoại ngữ (7,8,9)	Ngoại ngữ (7,8,9)		Ngoại ngữ (7,8,9)		
A4K76		Ngoại ngữ (7,8,9)				TT SHọc 1		Ngoại ngữ (7,8,9)	TT HHC1	TT HHC2		
					Ngoại ngữ (7,8,9)		TT SHọc1		Ngoại ngữ (7,8,9)		TT HHC1	TT SHọc1
H1K2	TT HPT			Ngoại ngữ (7,8,9)	TT SHọc2 Tổ 1+2+3		Ngoại ngữ (7,8,9)					

- Học phần Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất và thực tập của các lớp K76, H1K2 chia nhóm như sau (thứ tự các nhóm bố trí tương ứng trong TKB) riêng :

+ Se PLĐC, TT VLĐC, HHC, Sinh học H1K2 chia thành 2 Nhóm (Tổ 1+2+3) và Tổ 4; Tổ 4 H1K2 thực tập cùng Nhóm 5 (Tổ 13,14) của A1K76

+ TT Thực vật H 1K2 chia thành 2 Nhóm (Tổ 1+2+3) và Tổ 4Tổ 4 H1K2 cùng Nhóm 5 (Tổ 13,14) của A1K75

AK76		H1K2	
Nhóm 1 (Tổ 1,2,3)	Nhóm 2 (Tổ 4,5,6)	Nhóm 1 (Tổ 1,2)	Nhóm 2 (Tổ 3,4)
Nhóm 3 (Tổ 7,8,9)	Nhóm 4 (Tổ 10,11,12)		
Nhóm 5 (Tổ 13,14)			